



Working Paper 2025.2.5.5
- Vol. 2, No. 5

**PHÁP LUẬT VỀ MANG THAI HỘ CHO HÔN NHÂN ĐỒNG GIỚI: KINH
NGHIỆM QUỐC TẾ VÀ BÀI HỌC CHO VIỆT NAM**

Lê Thị Linh¹, Vũ Bảo Nhi, Mai Thị Nga

Sinh viên K62 Luật Thương mại quốc tế - Khoa Luật

Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội, Việt Nam

Đinh Thị Tâm

Giảng viên khoa Luật

Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội, Việt Nam

Tóm tắt

Mang thai hộ trong hôn nhân đồng giới đang là một vấn đề pháp lý và xã hội phức tạp, liên quan đến quyền sinh sản và quyền gia đình của các cặp đôi đồng tính. Hiện nay, tại Mỹ và Canada, mang thai hộ cho cặp đôi đồng giới đã được hợp pháp hóa và điều chỉnh bởi các quy định khác nhau ở từng bang, tỉnh và vùng lãnh thổ. Ngược lại, đa số quốc gia ở khu vực châu Á, bao gồm Việt Nam, mới chỉ dừng lại ở việc cân nhắc. Vì vậy, bài viết này sẽ trình bày kinh nghiệm pháp luật từ Mỹ và Canada trong hoạt động mang thai hộ ở hôn nhân đồng giới. Thông qua việc phân tích, đánh giá các quy định và thực tiễn thực hiện, bài viết đưa ra một số kiến nghị trong việc xây dựng khung pháp lý và chính sách hỗ trợ mang thai hộ cho các cặp đôi đồng giới tại Việt Nam trong tương lai.

¹ Tác giả liên hệ: lelinh25022005@gmail.com

Từ khóa: Hôn nhân đồng giới, mang thai hộ, mang thai hộ cho hôn nhân đồng giới

LEGISLATION ON SURROGACY FOR SAME-SEX MARRIAGE: INTERNATIONAL EXPERIENCES AND LESSONS FOR VIETNAM

Abstract

Surrogacy in same-sex marriages is a complex legal and social issue, involving reproductive rights and family rights for same-sex couples. Currently, in the United States and Canada, surrogacy in same-sex marriages has been legalized and regulated differently across states, provinces and territories. In contrast, most Asian countries, including Vietnam, have only brought the topic into consideration. This paper presents the legal experiences from the U.S. and Canada in surrogacy in same-sex marriages. Through analysis and evaluation of regulations and implementation practices, the article offers a number of recommendations in developing a legal framework and policies to support surrogacy for same-sex couples in Vietnam in the future.

Keyword: Same - sex marriage, surrogacy, surrogacy in same-sex marriages

1. Mở đầu

Xã hội ngày một phát triển kéo theo những vấn đề mới, những nhu cầu mới nảy sinh. Xã hội ngày một văn minh và tiến bộ đồng nghĩa với việc ý thức về quyền lợi và nghĩa vụ của con người ngày càng cao hơn. Điều đó đặt ra đã một thách thức với hệ thống pháp luật- cần nhanh chóng cập nhật, hoàn thiện để đáp ứng những nhu cầu thực tiễn. Một trong số đó là nhu cầu về việc hoàn thiện, bổ sung những quy định về vấn đề mang thai hộ cho các cặp đôi đồng giới- một nhu cầu phổ biến nhưng lại chưa được đáp ứng trong nhiều hệ thống pháp luật, bao gồm tại Việt Nam. Đứng trước tình hình thực tiễn xã hội, việc nghiên cứu và hoàn thiện khung pháp lý về mang thai hộ đặc biệt cấp thiết và quan trọng.

2. Hôn nhân đồng giới và vấn đề mang thai hộ cho hôn nhân đồng giới

2.1. Hôn nhân đồng giới

Thuật ngữ đồng tính luyến ái (Homosexuality) chỉ sự hấp dẫn giữa những người cùng giới tính với nhau trên phương diện tình cảm hoặc quan hệ tình dục trong một hoàn cảnh nhất định hoặc một cách lâu dài.

Loại hình hôn nhân truyền thống (Traditional marriage) thường là sự gắn kết giữa một người đàn ông (gọi là chồng) và một người phụ nữ (gọi là vợ). Đây là hình thức hôn nhân cơ bản và phổ biến nhất, được pháp luật công nhận rộng rãi trên toàn thế giới. Tuy nhiên, ngoài mô hình hôn

nhân một vợ một chồng, còn tồn tại những hình thức hôn nhân khác như hôn nhân mở (Open marriage), hôn nhân tạm thời (Temporary marriage) và hôn nhân đồng tính. Đặc biệt, hôn nhân đồng tính- biểu tượng của tình yêu, sự tự do và bình đẳng- mới chỉ được một số quốc gia công nhận, trong đó có Canada và Mỹ, đi tiên phong trên hành trình đấu tranh vì quyền bình đẳng cho cộng đồng LGBTQ+.

2.2. Mang thai hộ cho hôn nhân đồng giới

Mang thai hộ được chia làm hai loại là mang thai hộ vì mục đích thương mại và mang thai hộ vì mục đích nhân đạo. Mang thai hộ vì mục đích thương mại là thỏa thuận mang thai hộ trong đó có một hoặc nhiều bên có thể hưởng lợi về tài chính. Mang thai hộ vì mục đích nhân đạo là thỏa thuận mang thai hộ mà ở đó mục đích không vì lợi nhuận mà hướng tới những giá trị nhân đạo nhân văn.

Mang thai hộ cho cặp đôi đồng giới là quá trình một người phụ nữ mang thai hộ và sinh con thay cho cặp đôi đồng giới khi họ không thể tự mang thai vì lý do sinh học. Mang thai hộ cho cặp đôi đồng giới nam sẽ khác mang thai hộ cho cặp đôi đồng giới nữ. Các cặp đôi đồng giới nam cần sự hỗ trợ cả về trứng và tử cung, trứng thường sẽ được lấy từ một người hiến trứng (egg donor), tinh trùng được lấy từ một trong hai người để thụ tinh. Trứng sau khi được thụ tinh trong ống nghiệm sẽ được cấy vào tử cung người mang thai hộ. Người phụ nữ sẽ mang thai và sinh con cho cặp đôi. Trong khi đó, các cặp đôi đồng giới nữ chỉ cần sự hỗ trợ về tinh trùng (tinh trùng sẽ được lấy từ người hiến tinh trùng), còn trứng sẽ được lấy từ một trong hai người. Việc mang thai hộ có thể tự thực hiện hoặc có thể nhờ người mang thai hộ vì lý do y tế. So với các cặp đôi đồng giới nữ, để có con, sự hỗ trợ từ mang thai hộ gần như là tuyệt đối và bắt buộc vì họ cần cả sự hỗ trợ từ người hiến trứng và người mang thai, họ không còn sự lựa chọn nào khác.

Về mặt sinh học, nếu người mang thai hộ cung cấp cả trứng và tử cung, điều này có nghĩa họ có sự liên kết về mặt sinh học với đứa trẻ vì đứa trẻ mang trong mình một phần gen của họ. Trường hợp còn lại, người mang thai hộ chỉ đóng vai trò mang thai và sinh con, phôi được thụ tinh rồi cấy vào tử cung người mang thai hộ, khi ấy đứa trẻ sẽ không mang trong mình gen của người mang thai hộ và sự liên kết về mặt sinh học sẽ ít hơn. Tuy nhiên, dù mang thai hộ theo phương thức nào, sự gắn bó về mặt tình cảm giữa người mang thai hộ và đứa trẻ là không thể phủ nhận. Đó là sự liên kết tự nhiên, thần kì giữa mẹ và bé trong quá trình mang thai. Những trải nghiệm từ việc mang thai, quá trình chăm sóc, bảo vệ đứa bé, cảm nhận sự phát triển qua từng giai đoạn của thai nhi vô hình chung sẽ tạo nên một sợi dây tình cảm liên kết thần kì giữa người mang thai hộ và đứa trẻ.

Trên thực tế, đây là một phương pháp điều trị sinh sản đã giúp cho những cặp đôi muốn có con nhưng không thể thụ thai hoặc tự mang thai vì lý do y tế hoặc thể chất được thực hiện thiên chức làm cha, làm mẹ của mình và trên thế giới rất nhiều quốc gia đã có quy định cụ thể rõ ràng về thỏa thuận mang thai hộ nhằm bảo vệ quyền lợi cho các bên tham gia hoặc có quyền và nghĩa vụ liên quan. Đặc biệt tại Hoa Kỳ và Canada, quy định về mang thai hộ vì mục đích nhân đạo không chỉ giới hạn ở các cặp đôi dị tính mà còn cho phép các cặp đôi đồng tính thực hiện biện pháp này trong khuôn khổ của pháp luật.

Trên đà phát triển hội nhập quốc tế và hoàn thiện hệ thống pháp luật, Luật hôn nhân và gia đình 2014 của Việt Nam đã bổ sung những quy định về mang thai hộ. Tuy nhiên hiện tại quy định về mang thai hộ dành cho các cặp đôi đồng tính vẫn chưa được quy định rõ ràng. Điều này gây ra khó khăn khi các cặp đôi đồng giới muốn thực hiện thiên chức làm cha làm mẹ- sứ mệnh thiêng liêng cao cả của mình. Việc mang thai hộ giữa những cặp đôi đồng tính nam đặc biệt sẽ càng khó khăn hơn nhiều khi việc mang thai hộ không thể tự thực hiện và điều này ảnh hưởng trực tiếp đến quyền con người và ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển bền vững của xã hội.

2.3. Sự cần thiết phải điều chỉnh về mang thai hộ cho hôn nhân đồng giới

Trước hết, chúng tôi cho rằng đó liên quan trực tiếp đến quyền của con người và sự phát triển bền vững của xã hội. Để hướng tới một xã hội bền vững thì yếu tố con người- cội nguồn của mọi quan hệ xã hội phải là yếu tố quan trọng hàng đầu. Chỉ khi yếu tố con người đạt được sự ưu tiên hàng đầu, quyền con người được đảm bảo thì xã hội đó mới có thể hướng tới sự phát triển lâu dài và bền vững. Ngược lại khi quyền con người không được đảm bảo, thì một xã hội văn minh tiến bộ là điều xa vời. Giống như một cái cây gốc rễ không vững, cành nhánh không thể nào xanh tốt, vươn dài vươn xa. Hiến pháp 2013 - văn bản có hiệu lực pháp lý cao nhất đã nêu cao tinh thần ấy khi quy định tại Điều 14 về quyền con người. Tại Khoản 1 Điều 14 Hiến pháp 2013 đã đề cao, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều đó chứng tỏ nhà nước Việt Nam đã rất quan tâm và chú ý đến việc đảm bảo quyền của con người, quyền của công dân, yếu tố con người đã được ưu tiên lên hàng đầu. Câu hỏi đặt ra rằng nếu quyền làm cha, làm mẹ- thiên chức thiêng liêng của con người không được đảm bảo, vậy khi đó quyền con người đó đã được ưu tiên chưa?

Thứ hai, việc bổ sung những quy định về mang thai hộ của các cặp đồng giới giải quyết những áp lực từ tâm lý cá nhân, áp lực từ gia đình, từ xã hội của những cặp đôi đồng giới. Một trong những áp lực tâm lý của các cặp đôi đồng giới từ gia đình, xã hội đó là định kiến: ảnh hưởng đến việc duy trì giống nòi. Trong xã hội truyền thống, hôn nhân vẫn thường được coi là

một cơ chế xã hội để bảo vệ và thúc đẩy sự sinh sản và duy trì nòi giống. Việc các cặp đôi nam với nam và nữ với nữ khi kết hôn sẽ không thể mang thai tự nhiên như một định kiến đến từ phía gia đình, dòng họ. Tâm lý chung của các bậc làm phụ huynh là mong muốn giống nòi được duy trì, dòng họ kéo dài hương hỏa. “Con đàn cháu đống”- nếp nghĩ đã ăn sâu vào con người Việt Nam, việc có con cái là biểu tượng của sự kế thừa và phát triển dòng tộc. Con cái là sự tiếp nối truyền thống, di sản văn hóa và giá trị gia đình qua nhiều thế hệ. Và khi chuỗi dây kéo dài qua những thế hệ ấy bị ngắt đứt, những định kiến càng trở nên gay gắt và cực đoan hơn. Vậy liệu chẳng khi các cặp đôi đồng tính được pháp luật bảo vệ và quy định về việc mang thai hộ, định kiến của xã hội về cộng đồng LGBT có đỡ hà khắc hơn phần nào không?

Xét từ góc độ tâm lý của những cặp đôi LGBT, mỗi người sinh ra trên thế giới này đều có quyền để thực hiện khát khao được làm cha, làm mẹ. Bản thân họ khi đó cũng có một chỗ dựa về mặt tinh thần, có thêm động lực để phấn đấu. Đặc biệt con cái luôn là nơi tạo ra sự gắn kết giữa các thế hệ trong ai đình, tạo ra sự gắn gũi về mặt tinh thần. Hoặc đơn giản, một sự sống xuất hiện đã là một điều vô cùng thiêng liêng và đẹp đẽ, họ muốn có một đứa con, muốn tự tay nuôi dạy đứa con ấy, truyền lại cho thế hệ sau những giá trị văn hóa tốt đẹp.

Mặt khác, xét từ góc độ an sinh xã hội, mô hình truyền thống: con cái là nền tảng chăm sóc cha mẹ vẫn phổ biến, chế độ an sinh từ xã hội dành cho người già vẫn chưa được đảm bảo, nguồn an sinh chính của các bậc cha mẹ cao tuổi tại Việt Nam chủ yếu vẫn đến từ con cái. Người già cao tuổi tại Việt Nam thường có xu hướng sống cùng hoặc sống gần với con cái để nhận được sự hỗ trợ hàng ngày, được chăm lo về tinh thần và vật chất từ phái con cái. Vì vậy, tâm lý mong muốn có con để có thể được giúp đỡ, nhờ cậy về sau của con người là hoàn toàn hợp lý.

Thứ ba là việc bổ sung quy định về mang thai hộ cho các cặp hôn nhân đồng giới thể hiện pháp luật nước ta đang không ngừng hoàn thiện và phát triển hàng ngày nhằm đáp ứng những nhu cầu liên tục phát sinh của con người đồng thời cũng thể hiện tính nhân văn, nhân đạo của pháp luật. Cùng với sự thay đổi của hình thái cấu trúc gia đình, khi các cặp đôi không chỉ còn là nam với nữ mà còn có thể là nữ với nữ, nam với nam, điều đó đòi hỏi pháp luật phải ngay lập tức bổ sung những quy định cho những khoảng trống pháp lý. Bên cạnh đó nó cũng thể hiện tính công bằng của pháp luật bởi pháp luật sinh ra đâu chỉ để phục vụ cho số đông mà còn là áo giáp bảo vệ cho số ít, bảo vệ cho nhóm yếu thế trong cộng đồng. Khi quy định về mang thai hộ cho các cặp đôi đồng giới vẫn còn khó khăn, họ vẫn còn loay hoay tìm các biện pháp để thực hiện sứ mệnh thiêng liêng, quyền làm cha mẹ, quyền cơ bản của con người khi pháp luật vẫn chưa có những quy định cụ thể, khi ấy họ vẫn còn thiệt thòi, còn chưa được quan tâm, pháp luật vẫn chưa bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp đến tất cả mọi người trong xã hội.

Thứ tư, đây là một vấn đề cấp thiết nhưng cũng vô cùng phức tạp bởi cần tính toán hợp lý để không tổn thương đến đứa trẻ được sinh ra bởi biện pháp mang thai hộ và những người liên quan. Câu hỏi được đặt ra rằng người mang thai hộ cần được đảm bảo những quyền lợi gì vì ranh giới giữa thương mại và phi thương mại rất mong manh, bản thân họ trong quá trình mang thai cũng phải đối mặt với những nguy cơ, rủi ro về vấn đề sức khỏe. Chính vì vậy cũng phải có những quy định để đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ của họ. Mặt khác, vấn đề xác định quyền lợi và nghĩa vụ của đứa trẻ được sinh ra dưới phương pháp này cũng là một vấn đề phức tạp. Bởi con người là tổng hòa của các mối quan hệ xã hội, bản thân sự khởi nguồn của một sinh mệnh đã đối mặt với nhiều rủi ro, có thể phát sinh nhiều hệ lụy với những người liên quan, nhất là dựa trên những yếu tố phi tự nhiên để có được. Khi người mẹ mang nặng đẻ đau lại không phải là mẹ ruột của đứa bé, khi xác định về mặt pháp lý, đứa trẻ lại chỉ có cha hoặc chỉ có mẹ (pháp luật Việt Nam quy định về người cha hợp pháp là người mang giới tính nam, người mẹ hợp pháp là người mang giới tính nữ) khiến cho việc xác định quyền và nghĩa vụ của đứa bé gặp nhiều khó khăn.

Chính vì vậy, việc bổ sung quy định, hoàn thiện hành lang pháp lý về việc mang thai hộ cho các cặp đôi đồng giới là một vấn đề bức thiết, cần được nghiêm túc đánh giá, xem xét.

3. So sánh giữa khung pháp lý của Mỹ và Việt Nam về vấn đề mang thai hộ cho hôn nhân đồng giới

Hiện nay, ngày càng nhiều quốc gia trên thế giới có những quy định bảo vệ quyền mang thai hộ cho hôn nhân đồng giới, trong đó có Mỹ. Bài viết sẽ so sánh khung pháp lý của Mỹ và Việt Nam liên quan đến hôn nhân đồng giới và các quyền liên quan, đặc biệt tập trung vào vấn đề mang thai hộ ở hôn nhân đồng giới giữa hai nước.

Bảng 1. Các quốc gia đã hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới

STT	Tên quốc gia	Năm hợp pháp hóa	STT	Tên quốc gia	Năm hợp pháp hóa
1	Hà Lan	2000	16	Anh và Wales	2013
2	Bỉ	2003	17	Scotland	2014
3	Canada	2005	18	Luxembourg	2014

STT	Tên quốc gia	Năm hợp pháp hóa	STT	Tên quốc gia	Năm hợp pháp hóa
4	Tây Ban Nha	2005	19	Phần Lan	2015
5	Nam Phi	2006	20	Ireland	2015
6	Na Uy	2008	21	Greenland	2015
7	Thụy Điển	2009	22	Mỹ	2015
8	Iceland	2010	23	Colombia	2016
9	Bồ Đào Nha	2010	24	Đức	2017
10	Argentina	2010	25	Malta	2017
11	Đan Mạch	2012	26	Úc	2017
12	Uruguay	2013	27	Đài Loan	2019
13	New Zealand	2013	28	Costa Rica	2020
14	Pháp	2013	29	Ecuador	2020
15	Brazil	2013	30	Chile	2021

Trong suốt nhiều thập kỉ, các cuộc tranh luận về quyền của người đồng tính đã diễn ra sôi nổi, nhưng chỉ đến những năm gần đây, làn sóng ủng hộ kết hôn đồng giới mới chạm tới những bước tiến vượt bậc tại Hoa Kỳ. Hàng loạt các phán quyết từ các Tòa án tiểu bang, luật tiểu bang, các cuộc bỏ phiếu trực tiếp diễn ra và đến khi có phán quyết của Tòa án liên bang thì quyền kết hôn của các cặp đôi đồng giới dần được mở rộng tại một bang vào năm 2004, rồi lan rộng đến tận 50 tiểu bang vào năm 2015. Sự chấp thuận mang tính lịch sử này đã nhận được sự đồng thuận mạnh mẽ từ công chúng. Báo cáo của Trung tâm nghiên cứu Pew 2017a cho thấy, sự ủng hộ cho hôn nhân đồng giới đã tăng từ 35% trong năm 2001 lên 62% trong năm 2017.

Việc công nhận hôn nhân đồng giới tại Mỹ không chỉ đơn thuần là một bước khởi sắc tiền đề về mặt pháp lý mà nó còn là một sự biến chuyển lớn trong nhận thức về quyền bình đẳng giữa người với người trong xã hội. Một xã hội không phân biệt giới tính, tràn đầy sự tự tin và tôn trọng lẫn nhau. Điều này không chỉ phản ánh sự chấp thuận ngày càng cao dành cho những cặp đôi đồng tính, mà bên cạnh đó còn là minh chứng cho việc xã hội dần thoát khỏi những định kiến về giới tính và tình dục tồn tại lâu đời. Hôn nhân đồng giới không chỉ đơn giản là chuyện kết hôn giữa hai cá nhân, nó còn mang tính biểu tượng, đại diện cho tự bình đẳng, sự tôn trọng và quyền được yêu thương, được bảo vệ trong một mối quan hệ hợp pháp, bất kể giới tính. Điều này đã mở ra một trang mới trong cuộc chiến vì quyền con người, khao khát có con như một gia đình thực thụ.

Tại Việt Nam, hôn nhân đồng giới vẫn chưa được công nhận chính thức. Nhiều người trong cộng đồng LGBT ở Việt Nam luôn có nhu cầu sống cùng với người mình yêu. Dựa trên khảo sát 3483 người LGBT do ISEE tiến hành năm 2012 cho thấy có 66% số người được hỏi không biết làm thế nào để lựa chọn hình thức kết hôn với người cùng giới nếu được pháp luật công nhận. Trong số những người tham gia khảo sát đó, 97,4% người mong muốn có cải cách pháp luật để họ có thể kết hôn với người yêu đồng giới của mình.

Sau đó, một vài thay đổi đã diễn ra ở Việt Nam. Cụ thể là, Luật Hôn nhân và gia đình 2014 của Việt Nam, quy định cấm kết hôn đồng giới (được quy định tại Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000) đã bị bãi bỏ nhưng vẫn chưa được công nhận về mặt pháp lý: “Nhà nước không thừa nhận hôn nhân giữa những người cùng giới tính” (Điều 8). Do vậy, việc kết hôn giữa những người đồng giới là không được Nhà nước chấp thuận và thực hiện, để lại khoảng trống pháp lý trong việc điều chỉnh con cái, tài sản và các vấn đề liên quan trong đời sống gia đình đồng giới.

Người đồng giới cũng mong muốn có một gia đình đủ đầy hạnh phúc, có con trẻ riêng của mình. Từ đó, mang thai hộ trong hôn nhân đồng giới ra đời. Đây là một quá trình dài, bắt đầu từ việc thay đổi nhận thức xã hội về quyền bình đẳng của các cá nhân thuộc cộng đồng LGBT cho đến những thay đổi mang tính pháp lý về việc mang thai hộ trong hôn nhân đồng giới. Trong bài viết này, ta chỉ phân tích và so sánh về pháp luật của Bang California với pháp luật Việt Nam trong việc mang thai hộ ở hôn nhân đồng giới.

Bang California đã ban hành một đạo luật có tên là Family Code (FAM) - đạo luật về Gia đình. Trong đó, các quy định pháp lý liên quan tới mang thai hộ, đặc biệt là trong hôn nhân đồng giới được quy định rất rõ ràng. Tại Việt Nam, luật mang thai hộ được quy định trong Luật hôn nhân và gia đình 2014, tuy nhiên vì hôn nhân đồng giới ở Việt Nam mới chỉ dừng lại ở việc đề xuất, vì vậy chưa có quy định pháp lý về việc sinh sản, con cái trong hôn nhân đồng giới.

Trong FAM, California Family Code Sections 7960-7962 quy định về hợp đồng mang thai hộ, bao gồm các yêu cầu về pháp lý, các quyền và nghĩa vụ của các bên, và quy trình công nhận cha mẹ hợp pháp. Các điều luật này nhấn mạnh về Thông tin cần có trong hợp đồng bao gồm ngày ký, nguồn gốc của tinh trùng hoặc trứng, danh tính của phụ huynh dự kiến và cách chi trả chi phí y tế, Luật sư độc lập, Chữ ký và xác thực, các thủ tục pháp lý liên quan, vấn đề bảo mật thông tin và hiệu lực của hợp đồng.

Tại Việt Nam, vợ chồng có quyền nhờ người mang thai hộ khi có đủ các điều kiện như: các tổ chức y tế có thẩm quyền đã xác nhận về khả năng mang thai và sinh con của người vợ là không thể, ngay cả khi đã có sự can thiệp của kỹ thuật hỗ trợ sinh sản, không có con chung giữa hai vợ chồng và họ đã được tư vấn đầy đủ về y tế, pháp lý, tâm lý. (Khoản 2 Điều 95 Luật Hôn nhân và gia đình 2014)

Như vậy, điểm chung của 2 đạo luật đều thống nhất ở chỗ đều cho phép mang thai hộ vì mục đích nhân đạo. Điều này hình thành từ những lý do đạo đức và pháp lý nhằm bảo vệ quyền lợi cũng như nghĩa vụ của các bên liên quan, trong đó có cả người mang thai hộ và đứa trẻ. Mục đích chính là bảo vệ quyền lợi và nhân phẩm của người mang thai hộ, ngăn chặn việc lợi dụng cơ thể phụ nữ trở thành công cụ sinh sản cho mục đích kiếm tiền hay buôn bán, đồng thời phòng ngừa các hành vi xâm phạm trái phép. Cả hai đạo luật đều nhấn mạnh sự tự nguyện và quyền tự quyết của các bên tham gia thỏa thuận mang thai hộ.

Về việc mang thai hộ ở các cặp hôn nhân đồng giới, trong đạo luật của bang California Family Code Section 7613 đã quy định rõ về việc công nhận cha mẹ hợp pháp cho các cặp đôi sử dụng phương pháp hỗ trợ sinh sản, bao gồm cả các cặp đồng giới.

Family Code Section 7613 quy định như sau:

(a)(1) Nếu một người phụ nữ thụ thai thông qua phương pháp sinh sản có hỗ trợ bằng tinh trùng hoặc trứng hoặc cả hai do người hiến tặng không phải là chồng của người phụ nữ đó hiến tặng, với sự đồng ý của một phụ huynh dự định khác, thì phụ huynh dự định đó được pháp luật coi như phụ huynh dự định đó là cha mẹ ruột của đứa trẻ được thụ thai theo cách đó. Sự đồng ý của phụ huynh dự định kia phải được lập thành văn bản và có chữ ký của phụ huynh dự định kia và người phụ nữ thụ thai thông qua phương pháp sinh sản có hỗ trợ.

(2) Việc không đồng ý bằng văn bản, theo yêu cầu của đoạn (1), không ngăn cản tòa án xác định rằng phụ huynh dự định đã đồng ý nếu tòa án xác định bằng chứng rõ ràng và thuyết phục rằng, trước khi thụ thai đứa trẻ, người phụ nữ và phụ huynh dự định đã có thỏa thuận bằng miệng rằng người phụ nữ và phụ huynh dự định đều sẽ là cha mẹ của đứa trẻ.

Khoản a Điều 7613 Bộ luật Gia đình California đã xác định rõ quan hệ cha mẹ - con được dựa trên cách thức sinh sản hỗ trợ, đặc biệt khi có người hiến tặng tinh trùng hoặc trứng. Nếu một người phụ nữ thụ thai bằng phương pháp hỗ trợ với sự giúp đỡ của người hiến tặng tinh trùng, thì người hiến tặng sẽ không được xem là cha hợp pháp của đứa trẻ, trừ khi có thỏa thuận rõ ràng và cụ thể xác định mối quan hệ này. Điều này nhằm đảm bảo rằng cha mẹ hợp pháp của đứa trẻ được xác định rõ ràng, tránh trường hợp người hiến tặng tinh trùng hoặc trứng có quyền hay trách nhiệm làm cha mẹ nếu không có thỏa thuận trước. Điều này có nghĩa là quyền và nghĩa vụ cha mẹ đối với con sinh ra từ phương pháp hỗ trợ sinh sản sẽ phụ thuộc vào thỏa thuận pháp lý trước đó giữa các bên.

Tại bang này, các vấn đề liên quan tới mang thai hộ cả vì mục đích thương mại hay mục đích nhân đạo trong hôn nhân đều được quy định và cho phép, bao gồm cả hôn nhân đồng tính và dị tính, trừ các trường hợp không thỏa mãn theo quy định của đạo luật này. Tuy nhiên, tại Việt Nam, chưa có quy định pháp lý về vấn đề mang thai hộ ở hôn nhân đồng giới. Vì vậy, chúng tôi nhận thấy rằng, để bảo vệ quyền lợi cũng như sự bình đẳng cho mỗi cá nhân, bảo đảm quyền hạnh phúc và quyền con người, việc mang thai hộ ở hôn nhân đồng giới cần được đề xuất tại Việt Nam.

4. So sánh giữa khung pháp lý của Canada và Việt Nam về vấn đề mang thai hộ cho hôn nhân đồng giới

Ở Canada đã ban hành một đạo luật với tên gọi là Assisted Human Reproduction Act (AHRA) - đạo luật Hỗ trợ Sinh sản Con người. Trong đó, vấn đề về mang thai hộ được quy định rất đầy đủ và rõ ràng. Tại Việt Nam, những quy định về mang thai hộ được quy định trong Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Một điểm chung giữa pháp luật Canada và Việt Nam về vấn đề mang thai hộ đó là cả hai hệ thống pháp luật đều chỉ cho phép mang thai hộ vì mục đích nhân đạo và nghiêm cấm hành vi mang thai hộ vì mục đích thương mại.

Điều 2 khoản f của ARHA quy định như sau:
(f) Buôn bán khả năng sinh sản của phụ nữ và nam giới và bóc lột trẻ em, phụ nữ và nam giới vì mục đích thương mại làm tăng lên những lo ngại về sức khỏe và đạo đức biện minh cho việc cấm chúng

Tại khoản 2g Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 đã nghiêm cấm hành vi mang thai hộ vì mục đích thương mại

Cả hai đạo luật đều gặp gỡ và thống nhất ở chỗ chỉ cho phép mang thai hộ vì mục đích nhân đạo. Điều này xuất phát từ những lý do về đạo đức, pháp lý xã hội nhằm bảo vệ các bên có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, trong đó có người mang thai hộ và đứa trẻ. Trước hết là để bảo vệ quyền lợi và nhân phẩm của người mang thai hộ, ngăn chặn và phòng tránh việc từ cung người phụ nữ có thể bị lợi dụng biến thành công cụ sinh sản để kiếm tiền, buôn bán, bị xâm phạm bất hợp pháp. Cả hai đạo luật đều đề cao tính tự nguyện, tự quyết của đôi bên tham gia thỏa thuận mang thai hộ. Thứ hai, để đảm bảo được quyền lợi cho đứa trẻ được sinh ra từ liệu pháp phi tự nhiên này, ngăn chặn và phòng người những sinh linh nhỏ bé trở thành món hàng trong những cuộc giao dịch kinh tế, từ đó dẫn đến quyền lợi của trẻ em bị xâm phạm, tổn hại. Cuối cùng, việc ngăn chặn những hành vi mang thai hộ vì mục đích thương mại cũng chính để phòng ngừa và ngăn chặn điều kiện thuận lợi hình thành nên nạn buôn người, bán người hoặc các thị trường đến nơi mà những thỏa thuận liên quan đến sinh sản nằm ngoài sự kiểm soát của nhà nước.

Tuy nhiên, về đối tượng được áp dụng biện pháp mang thai hộ giữa hai hệ thống pháp luật có sự khác nhau. Đối tượng được phép thực hiện mang thai được quy định như sau tại Điều 2, khoản e, của AHRA: *Những người tìm cách thực hiện các thủ tục hỗ trợ sinh sản không được phân biệt đối xử, kể cả trên cơ sở khuynh hướng tình dục hoặc tình trạng hôn nhân của họ*

Một điểm tiến bộ và đáng ghi nhận ở đây là đối tượng của của biện pháp mang thai hộ đã thể hiện được tinh thần chống phân biệt đối xử về xu hướng tình dục và tình trạng hôn nhân. Đạo luật đã công nhận quyền bình đẳng tiếp cận các công nghệ hỗ trợ sinh sản của tất cả các cá nhân, bất kể xu hướng tình dục hay tình trạng hôn nhân của họ như thế nào. Đây là một bước tiến bộ lớn cam kết và đảm bảo rằng các dịch vụ y tế xã hội cả Canada được tiếp cận đến tất cả các cá nhân, các cặp vợ chồng ở mọi nền tảng. Họ có quyền tự chủ, tự do trong cách lựa chọn mang thai hộ mà không phải đối mặt với các rào cản phân biệt đối xử.

Mặt khác, chúng tôi cho rằng đạo luật đã thể hiện được tinh thần tiến bộ khi không ngừng thay đổi và hoàn thiện, đáp ứng nhu cầu của xã hội khi số lượng của những mô hình gia đình phi truyền thống ngày một gia tăng trong xã hội. Ở đó không chỉ có những cặp vợ chồng dị tính đã kết hôn mà còn có sự xuất hiện của nhiều mô hình gia đình khác. Bằng cách nhà nước quy định rõ ràng rằng các liệu pháp kỹ thuật hỗ trợ mang thai có thể được tiếp cận với tất cả các cá nhân, các cặp vợ chồng thuộc mọi thành phần, AHRA đã thừa nhận và tôn trọng của tất cả những hình thái cấu trúc gia đình. Cá nhân chúng tôi cho rằng, đây là một bước tiến đột phá hướng tới tính toàn diện trong luật hôn nhân và gia đình.

Đồng thời, đây cũng là một đạo luật tôn trọng và đề cao nhân quyền, khẳng định sự tự do trong lựa chọn các liệu pháp mang thai là quyền cơ bản của con người. Từ đó, ARHA thúc đẩy sự

bình đẳng của cộng đồng LGBT - cộng đồng còn yếu thế trong xã hội tiếp cận gần hơn và bình đẳng với các liệu pháp sinh sản của cộng đồng. Đây là tiền đề để đảm bảo những người LGBT có quyền làm cha, làm mẹ giống như những cặp đôi dị tính khác. Đó là sự bình đẳng của chính phủ Canada trên tất cả các lĩnh vực tế và pháp luật.

Về việc quy định quan hệ giữa cha mẹ và con, xác định hộ tịch của đứa bé khi được sinh ra bởi phương pháp mang thai hộ tại Canada sẽ được quy định cụ thể khác nhau theo từng bang.

Tại bang British Columbia, việc xác định quan hệ cha mẹ và con được quy định tại khoản điều 29, Family Law Act, cặp đôi nhờ mang thai hộ có thể được xác định là cha mẹ của đứa trẻ và người mang thai hộ không được xác định là mẹ của đứa trẻ nếu bản thỏa thuận trước khi thực hiện biện pháp mang thai hộ quy định rõ ràng về điều này. Điều 29 Khoản 3 Family Law Act quy định rằng cặp đôi nhờ mang thai hộ sẽ được xác định là cha mẹ của đứa trẻ khi đáp ứng được những điều kiện được quy định, trong đó đặc biệt nhắc tới người mang thai hộ đồng ý bằng văn bản giao đứa trẻ cho cặp đôi nhờ mang thai hộ.

- (2) *Phần này áp dụng nếu,*
- (a) *trước khi một đứa trẻ được thụ thai thông qua hỗ trợ sinh sản, một thỏa thuận bằng văn bản được lập giữa người mang thai hộ tiềm năng và cha mẹ dự định hoặc cha mẹ dự kiến, và*
- (b) *thỏa thuận quy định rằng người thay thế tiềm năng sẽ là mẹ ruột của đứa trẻ được thụ thai thông qua hỗ trợ sinh sản và khi đứa trẻ được sinh ra,*
- (i) *người đại diện sẽ không phải là cha mẹ của đứa trẻ,*
- (ii) *người đại diện sẽ giao đứa trẻ cho cha mẹ hoặc cha mẹ tương lai,*
- (iii) *cha mẹ dự định hoặc cha mẹ dự định sẽ là cha mẹ hoặc các cha mẹ của đứa trẻ.*
- (3) *Khi sinh ra một đứa trẻ được sinh ra bằng phương pháp hỗ trợ sinh sản trong các trường hợp được mô tả ở tiểu mục (2), người là cha mẹ tương lai theo thỏa thuận sẽ là cha mẹ của đứa trẻ nếu đáp ứng tất cả các điều kiện sau:*
- (a) *trước khi đứa trẻ được thụ thai, không bên nào trong thỏa thuận rút khỏi thỏa thuận;*
- (b) *sau khi đứa trẻ được sinh ra,*
- (i) *người đại diện đưa ra sự đồng ý bằng văn bản để giao đứa trẻ cho cha mẹ tương lai hoặc cha mẹ tương lai, và*
- (ii) *cha mẹ tương lai hoặc cha mẹ tương lai nhận đứa trẻ cho cha mẹ tương lai hoặc cha mẹ tương lai chăm sóc.*

Khi thỏa thuận mang thai hộ giữa đôi bên là hợp pháp và những điều khoản được quy định rõ ràng, các cặp đôi đồng giới nhờ mang thai hộ có thể ký tên vào giấy khai sinh của đứa trẻ mà không

phải cần những thủ tục pháp lý rắc rối khác. Khi đứa trẻ sinh ra, chỉ cần xuất trình thỏa thuận mang thai hộ, cơ quan hộ tịch sẽ ghi nhận cặp đôi đồng giới là cha mẹ hợp pháp của đứa bé.

Từ đó có thể kết luận rằng, pháp luật tại British Columbia đề cao vai trò của thỏa thuận bằng giữa bên mang thai hộ và bên nhờ mang thai hộ, việc quy định rõ ràng về mối quan hệ giữa cha mẹ và con được quy định và thỏa thuận rõ ràng sẽ giúp tránh được những rắc rối trong giải quyết các thủ tục pháp lý về sau.

Việt Nam hiện tại mới chỉ cho phép mang thai hộ vì mục đích nhân đạo và đối tượng mang thai hộ theo mục đích nhân đạo được quy định tại Điều 95 Luật Hôn nhân và gia đình 2014. Về điều kiện các cặp vợ chồng được phép nhờ người mang thai hộ: khi tổ chức y tế có thẩm quyền đã xác nhận về khả năng mang thai và sinh con của người vợ là không thể, ngay cả khi đã có sự can thiệp của kỹ thuật hỗ trợ sinh sản; không có con chung giữa hai vợ chồng; họ đã được tư vấn về y tế, pháp lý và tâm lý.

Chủ thể ở đây được áp dụng phương pháp mang thai hộ là các cặp vợ chồng dị tính. Luật Hôn nhân và gia đình 2014 ở Việt Nam chỉ công nhận hôn nhân hợp pháp giữa 1 nam và 1 nữ (quy định tại Điều 8 khoản 1). Chúng tôi cho rằng đây là một rào cản pháp lý khi đặt trong bối cảnh xã hội- nơi những cấu trúc gia đình mới xuất hiện: những người đồng tính muốn được thực hiện quyền làm cha làm mẹ. Những người LGBT không được coi là đối tượng hợp pháp để sử dụng quyền mang thai hộ vì mục đích nhân đạo. Hôn nhân đồng tính vẫn chưa hợp pháp tại Việt Nam, cũng chưa có một điều luật nào quy định cụ thể rằng họ có quyền và nghĩa vụ ra sao nếu có nhu cầu thực hiện biện pháp mang thai hộ. Chúng tôi cho rằng việc pháp luật Việt Nam chỉ giới hạn hôn nhân ở một hình thức duy nhất đó là dị tính khiến chúng ta chưa thể giúp tất cả mọi người trong xã hội trong đó có cộng đồng LGBT tiếp cận đến những dịch vụ sinh sản, những biện pháp mang thai phi tự nhiên. Điều đó ảnh hưởng đến quyền lợi của con người đồng thời thúc đẩy sự bất bình đẳng, bất công trong xã hội.

5. Bài học cho Việt Nam từ kinh nghiệm quốc tế

Thứ nhất, về mô hình điều chỉnh pháp luật về mang thai hộ vì mục đích nhân đạo, Việt Nam cần cân bằng việc đảm bảo quyền con người và sự ổn định xã hội. Nguyên tắc bảo vệ quyền con người là kim chỉ nam cho mọi hành động của Đảng và Nhà nước ta. Quyền con người là một trong những điều thiêng liêng và cao cả. Hiện nay, pháp luật Việt Nam đã có những quy định về mang thai hộ vì mục đích nhân đạo. Đây là cách thức thể hiện bảo vệ và bảo đảm quyền con người một cách tốt nhất. Những cặp vợ chồng tìm đến mang thai hộ có thể họ đã thử qua nhiều phương pháp khác nhau nhưng không thể có con. Vì vậy, việc quy định mang thai hộ vì mục đích

nhân đạo đã bảo đảm quyền làm cha, mẹ, quyền được sống, được khai sinh của đứa trẻ sinh ra từ mang thai hộ vì mục đích nhân đạo. Tuy nhiên, pháp luật nước ta cần có sự cân bằng giữa việc bảo đảm quyền con người và sự ổn định xã hội. Bởi lẽ, nếu việc mang thai hộ không được giám sát chặt chẽ thì sẽ dẫn đến việc thương mại hoá, lạm dụng mang thai hộ. Điều này dẫn đến sự vi phạm nhân quyền và gây mất trật tự xã hội. Vì vậy, việc có hành lang pháp lý về mang thai hộ là đúng đắn nhưng cần phải có sự kiểm tra giám sát chặt chẽ của Nhà nước và Pháp luật.

Thứ hai, pháp luật nước ta cần có những quy định về quyền của trẻ em được sinh ra từ mang thai hộ trong hôn nhân đồng giới. Hôn nhân đồng giới hiện nay vẫn chưa được pháp luật Việt Nam công nhận. Hơn nữa, việc này còn đang bị phản đối, phân biệt đối xử bởi nhiều người. Thêm vào đó, quyền trẻ em trong mang thai hộ vẫn chưa được luật định. Kết hợp cả hai điều này ta thấy việc này đang dẫn đến một hệ quả nghiêm trọng về quyền con người. Nếu không được quy định rõ quyền của mình, đứa trẻ sinh ra từ mang thai hộ cho hôn nhân đồng giới dễ bị kì thị, phân biệt đối xử, chèn ép bởi một bộ phận con người. Điều này tăng lên áp lực rất lớn cho mỗi người, ảnh hưởng đến sự phát triển toàn diện của chúng. Ngày ngày, những đứa trẻ ấy sẽ bị bao vây bởi bạo lực ngôn từ và thậm chí là hành động. Nhiều người sẵn sàng dùng những lời lẽ xúc phạm, thô bạo, hành động bạo lực đến những đứa trẻ được sinh ra từ hôn nhân đồng giới. Từ đó, đứa trẻ dần mất niềm tin vào hệ thống pháp luật hoặc thậm chí dễ va vào những con đường phạm tội. Vậy nên, đứa trẻ sinh ra mang thai hộ cho hôn nhân đồng giới nên được quy định rõ ràng quyền lợi vì chúng cũng là những đứa trẻ bình thường, vẫn khao khát có được tình thương từ cha mẹ và được phát triển toàn diện. Điều này nên được cơ quan lập pháp đặc biệt chú trọng để những đứa trẻ đó dựa vào pháp luật bất cứ lúc nào.

6. Đề xuất cho pháp luật Việt Nam từ kinh nghiệm quốc tế

Thứ nhất, pháp luật Việt Nam nên công nhận hôn nhân đồng giới. Hiện nay, theo quy định khoản 2, Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình 2014: *“Nhà nước không thừa nhận hôn nhân giữa những người cùng giới tính.”*, hôn nhân đồng giới tại nước ta chưa được thừa nhận. Tuy nhiên, việc không công nhận hôn nhân đồng giới có thể gây ra nhiều hệ lụy nghiêm trọng. Trước hết, những cặp đôi kết hôn đồng giới sẽ chịu nhiều áp lực, phân biệt đối xử từ những người xung quanh. Theo một khảo sát của Viện nghiên cứu xã hội, kinh tế, môi trường về quan điểm xã hội về hôn nhân đồng giới thì số lượng người phản đối chiếm một phần đáng kể so với người trung lập và ủng hộ hôn nhân đồng giới. Thậm chí, những người đồng giới có thể tự kỳ thị chính bản thân mình. Theo nghiên cứu của Viện nghiên cứu xã hội, kinh tế, môi trường về chủ đề tài : *“Tìm hiểu và sáng lập một thang đo về sự Tự kỳ thị ở cộng đồng LGBTIQ+ trẻ trong bối cảnh Việt*

Nam (ISSL+)” thì những người đồng tính thường rơi vào trạng thái suy nghĩ về kì thị, so sánh bản thân, nhận định tiêu cực về bản thân nói riêng cũng như cộng đồng LGBT nói riêng, cảm xúc bị chi phối với nhiều người. Trong gia đình, người đồng giới cũng như hôn nhân đồng giới bị chèn ép, áp lực từ bố mẹ và người thân. Trong môi trường làm việc, họ thường bị phân biệt đối xử, khó thăng tiến, không tiếp cận được với nhiều cơ hội bất chấp khả năng, năng lực của những người này. Trong hầu hết mọi nơi, hôn nhân đồng giới nhận nhiều sự chỉ trích và kỳ thị từ mọi người. Họ dường như bị dồn vào đường cùng, không có được một cuộc sống thoải mái. Từ đó, điều này có thể dẫn đến những hệ lụy tiêu cực như việc tự sát hay đi đến chia tay vì lời bàn tán của người xung quanh. Thứ hai, việc không công nhận hôn nhân đồng giới có thể hạn chế những quyền con người nhất định. Điển hình trong số đó là quyền nhân thân trong hôn nhân và gia đình, quyền được bảo vệ danh dự, nhân phẩm. Bởi lẽ, hôn nhân đồng giới thường nhận nhiều sự chỉ trích mà phần lớn tập trung vào nhân phẩm của họ. Từ đó, danh dự của những người đồng giới bị xâm phạm càng ngày càng nhiều mà không được pháp luật bảo vệ một cách tối ưu. Quyền con người là điều thiêng liêng, cao quý, cần được đảm bảo trên hết.

Hơn nữa, ở đây tồn tại nhiều luận điểm ủng hộ việc kết hôn đồng giới. Trước hết, hôn nhân đồng giới không làm mất đi giống nòi. Bởi lẽ, bản chất của hôn nhân đồng giới là việc những người cùng giới tính có tình cảm và đi đến hôn nhân. Họ không phải là những người vô sinh. Mặc dù người đồng giới không thể tạo ra đứa con theo phương pháp truyền thống nhưng họ vẫn có thể sử dụng các biện pháp khoa học tiên tiến. Điều này vẫn duy trì giống nòi một cách bình thường. Nhiều quan điểm cho rằng, việc sinh con với sự giúp đỡ của khoa học thì không tự nhiên. Quan điểm này là không hợp lý, bởi lẽ, hầu như hiện nay con người đang phụ thuộc vào khoa học công nghệ là chủ yếu. Nó là công cụ giúp chúng ta sống dễ dàng hơn với những điều tưởng chừng không thể ở quá khứ. Những thứ giản đơn hàng ngày quanh ta cũng đều là kết tinh của khoa học và công nghệ như kính cận, máy vi tính, ... Thứ hai, nhiều ý kiến phản đối hôn nhân đồng giới cho rằng việc kết hôn này là đi ngược lại với truyền thống xã hội, trái đạo đức. Tuy nhiên, điều này là vô căn cứ. Thậm chí, việc phản đối, kì thị hôn nhân đồng giới đang tạo ra một làn sóng mạnh mẽ làm phai mờ truyền thống đoàn kết. Từ ngàn đời xưa, trong mọi cuộc chiến đấu, dù là già, trẻ, gái, trai đều tham gia chiến đấu bảo vệ độc lập cho Tổ quốc. Trong thời bình, nếu nhiều người vẫn giữ thái độ miệt thị với người đồng giới, đất nước sẽ mất đi tinh thần đoàn kết, chia bè phái. Thứ ba, việc công nhận hôn nhân đồng giới là bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của con người. Tại Điều 1 Tuyên ngôn quốc tế: “*Mọi người sinh ra tự do và bình đẳng về phẩm cách và quyền lợi*”; tại Điều 16 Hiến pháp 2013 quy định rõ: “*Mọi người đều bình đẳng trước pháp luật; Không ai bị phân biệt đối xử trong đời sống chính trị, dân sự, kinh tế, văn hoá, xã hội*”; Điều 26 Hiến pháp 2013 quy định: “*nghiêm cấm phân biệt đối xử về giới*”. Việc không công

nhận hôn nhân đồng giới một phần nào đó đi ngược lại với Tuyên ngôn quốc tế và hiến pháp. Dù là người đồng giới nhưng họ vẫn có quyền tự do, bình đẳng về phẩm chất và quyền lợi, không bị phân biệt đối xử, kỳ thị bởi bất cứ ai. Việc không công nhận hôn nhân đồng giới như một chất xúc tác gia tăng sự phân biệt đối xử cho những người đồng giới trong môi trường làm việc, học tập, đời sống hằng ngày. Khi có hành lang pháp lý bảo vệ họ, quyền lợi của họ được bảo đảm, bảo vệ trước pháp luật, làm giảm thiểu những áp lực từ nhiều người xung quanh. Thứ ba, hôn nhân đồng giới góp phần làm giảm nhiều hiện tượng tiêu cực trong xã hội. Điển hình trong số đó là hiện tượng phá thai, mang thai ngoài ý muốn. Cụ thể, vào năm 2019, số lượng ca phá thai lên đến 250.000-300.000 ca phá thai, trong số đó có 60%-70% là học sinh, sinh viên. Vào năm 2013, theo một nghiên cứu của Bệnh viện Phụ sản Trung ương và trường Đại học Y Hà Nội. Hiện tượng phá sản ngày càng tăng cao, đặc biệt ở lứa tuổi vị thành niên. Để giảm điều này, việc công nhận hôn nhân đồng giới cũng là một cách. Nó khắc phục tình trạng phá thai, mang thai ngoài ý muốn.

Thứ hai, pháp luật Việt Nam nên xem xét việc mở rộng quy định mang thai hộ cho hôn nhân đồng giới. Kèm theo đó, nước ta cần quy định chặt chẽ các thủ tục pháp lý của việc mang thai hộ, điều kiện để được tiến hành việc mang thai hộ, mối quan hệ giữa người mang thai hộ với đứa trẻ được sinh ra bởi mang thai hộ, thủ tục về mặt hộ tịch. Theo khoản 2 Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình 2014 thì hôn nhân đồng giới chưa được công nhận. Chính vì lẽ đó, họ không có quyền được nhờ mang thai hộ. Tuy nhiên, điều này gây ra nhiều bất cập. Bởi lẽ, những người hôn nhân đồng giới cũng có mong muốn có được đứa con. Họ cũng có khát khao như người cá nhân khác trong việc có người chăm sóc, bầu bạn. Bất kì cá nhân nào trong xã hội cũng có quyền làm cha hoặc mẹ. Đây là mong muốn thiêng liêng, cao cả của con người. Việc mang thai hộ vì mục đích nhân đạo nhằm giúp những cặp vợ chồng không thể mang thai có thể có hi vọng trong việc có con. Chính vì điều đó, mang thai hộ cho hôn nhân đồng giới là cách thức để giúp cho họ có được đứa trẻ của mình. Kết hợp mang thai hộ với hôn nhân đồng giới tạo ra bước ngoặt về mặt pháp lý cho người đồng giới bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Hiện nay, một trong những lý do nhà nước không công nhận hôn nhân đồng giới xuất phát từ việc duy trì nòi giống. Tuy nhiên, việc mang thai hộ cho hôn nhân đồng giới loại trừ khả năng đó. Họ có thể tiếp nối nòi giống bằng những đứa trẻ của mình.

Các nhà lập pháp có thể xem xét bổ xung quy định về hôn nhân đồng giới cho người mang thai hộ theo hướng sau. Thứ nhất, về thủ tục pháp lý của việc mang thai hộ cho hôn nhân đồng giới, thoả thuận của bên nhờ mang thai hộ và mang thai hộ cần phải được lập thành văn bản và không được trái với quy định của pháp luật, đáp ứng điều kiện được quy định tại Điều 95, 96 Luật hôn nhân và gia đình 2014. Thứ hai, về mối quan hệ giữa người mang thai hộ và đứa trẻ

sinh ra bởi mang thai hộ, về mặt sinh học, họ có sự liên quan với nhau nhưng về mặt pháp lý, giữa người mang thai hộ và đứa trẻ không có mối quan hệ cha con hay mẹ con; tuy nhiên, sự gắn bó về tình cảm giữa họ là điều không thể phủ nhận và đáng tôn trọng. Do vậy, đứa trẻ được sinh ra từ mang thai hộ cần được biết về người mang thai chúng như một sự trân trọng công sức của người mang thai hộ. Thứ ba, về việc xác định quan hệ cha mẹ con của người nhờ mang thai hộ với đứa trẻ sinh ra từ mang thai hộ. Người nhờ mang thai hộ và người mang thai hộ cần lập một văn bản hợp pháp quy định cụ thể về việc mang thai hộ trong đó có xác định cha mẹ của đứa trẻ là người nhờ mang thai hộ. Sau khi đứa trẻ ra đời, người nhờ mang thai hộ chỉ cần xuất trình giấy tờ này là được cơ quan hộ tịch công nhận quan hệ cha mẹ hợp pháp với đứa trẻ.

Thứ ba, nước ta nên có quy định chặt chẽ về quyền và nghĩa vụ của người mang thai hộ, người nhờ mang thai hộ trong mang thai hộ cho hôn nhân đồng giới. Bởi lẽ, hiện nay mang thai hộ đang bị thương mại hoá, làm bóp méo bản chất của mang thai hộ vì mục đích nhân đạo. Vì vậy, nếu pháp luật không quy định kỹ càng về quyền và nghĩa vụ của người mang thai hộ cũng như người mang thai hộ dễ tạo ra nhiều kẽ hở về mặt pháp lý, gây ra bất cập trong thực tế. Một trong vấn đề đó có thể là thương mại hoá vấn đề mang thai hộ, khi đứa trẻ sinh ra thì xuất hiện tranh chấp về quyền nuôi dưỡng giữa người mang thai hộ và cặp vợ chồng hôn nhân đồng giới.

Thứ tư, pháp luật Việt Nam cần quy định, hoàn thiện quy định về quyền trẻ em được sinh ra từ mang thai hộ cho hôn nhân đồng giới. Theo công ước về quyền trẻ em năm 1989, thì trẻ em có quyền không bị phân biệt đối xử, quyền được bảo vệ chống lại sự ngược đãi,... Hôn nhân đồng giới luôn trở thành tâm điểm của sự kỳ thị, ngược đãi, bạo lực ngôn từ,... Do vậy, những đứa trẻ sinh ra từ hôn nhân đồng giới không loại trừ khả năng bị chịu ảnh hưởng tiêu cực từ người xung quanh. Điều này ảnh hưởng rất lớn đến tâm lý của đứa trẻ khi còn rất nhỏ, dẫn đến hệ lụy nghiêm trọng trong sự phát triển toàn diện sau này như mắc các bệnh trầm cảm, tự kỷ, phạm tội vị thành niên, Do vậy, trẻ em được sinh ra từ hôn nhân đồng giới là đối tượng đặc biệt, cần được chú ý nhiều hơn do có nguy cơ chịu nhiều ảnh hưởng tiêu cực từ xã hội từ khi mới sinh ra. Trong Luật trẻ em, pháp luật nước ta đã có quy định cụ thể về quyền trẻ em. Để phát triển tinh thần thương yêu, bảo vệ trẻ nhỏ, chúng ta cần cân nhắc, xem xét kỹ lưỡng để bổ sung thêm những quy định để bảo đảm quyền lợi của những đứa trẻ từ những gia đình có cha mẹ là người đồng giới.

7. Kết luận

Qua quá trình tìm hiểu, phân tích nghiên cứu, có thể thấy rằng việc bổ sung và hoàn thiện quy định pháp luật về mang thai hộ cho các cặp đôi đồng giới là một nhu cầu cấp thiết để đáp ứng sự thay đổi trong cấu trúc gia đình của xã hội hiện đại. Những kinh nghiệm từ các quốc gia như

Mỹ, Canada đã cho thấy những tiến bộ và cởi mở trong khung pháp lý, từ đó tạo điều kiện cho quyền của các cặp đôi đồng giới khi lựa chọn phương pháp mang thai hộ. Đối với Việt Nam, việc học hỏi, điều chỉnh, cập nhật, hoàn thiện pháp luật Việt Nam sẽ đáp ứng được nhu cầu của thực tiễn, gia tăng tính linh hoạt, tiến bộ, công bằng của hệ thống pháp luật. Đồng thời, đó cũng là yếu tố quan trọng thúc đẩy nhận thức của con người và sự công nhận, bảo vệ của xã hội với những hình thức gia đình mới. Điều đó đòi hỏi nhà nước, xã hội, cá nhân cần có sự phối hợp để ngày một hoàn thiện hơn nền pháp lý nước nhà hướng tới sự phát triển bền vững trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

“Thống Kê Số Liệu Nạo Phá Thai Ở Việt Nam Gần Đây”, ngày 12/03/2019, xem tại: <https://tuvanphathai.com/thong-ke-so-lieu-nao-pha-thai-o-viet-nam-gan-day.htmly> (Accessed 24 October 2024).

Assisted Human Reproduction Act (AHRA), xem tại: SC 2004, c 2 | Assisted Human Reproduction Act | CanLII (Accessed 28 October 2024).

California Code, Family Code, Điều 7613, xem tại: <https://codes.findlaw.com/ca/family-code/fam-sect-7613/> (Accessed 10 October 2024).

California Legislative Information, Điều 7960 – Điều 7962, xem tại: <https://casetext.com/statute/california-codes/family-code-fam/division-12-parent-and-child-relationship-7500-7961/part-7-surrogacy-and-donor-facilitators-assisted-reproduction-agreements-for-gestational-carriers-and-oocyte-donations-7960-7962> (Accessed 10 October 2024).

Family Act Law, xem tại: SBC 2011, c 25 | Family Law Act | CanLII (Accessed 12 November 2024).

Hiền Minh, “Tỷ lệ phá thai ở trẻ vị thành niên chưa có xu hướng giảm”, ngày 15/08/2023, xem tại: <https://baochinhphu.vn/ti-le-pha-thai-o-tre-vi-thanh-nien-chua-co-xu-huong-giam-102230815132437645.htm> (Accessed 24 October 2024).

Luật sư Nguyễn Duy Anh, “Các nước cho phép mang thai hộ”, ngày 17/10/2024, xem tại: <https://apluslaw.vn/bai-viet/cac-nuoc-cho-phep-mang-thai-ho.html> (Accessed 24 October 2024).

Quỳnh Chi, “30 Quốc gia trên thế giới công nhận hôn nhân đồng giới hợp pháp”, ngày 10/12/2021, xem tại: <https://vtv.vn/the-gioi/30-quoc-gia-tren-the-gioi-cong-nhan-hon-nhan-dong-gioi-hop-phap-20211208200419667.htm> (Accessed 19 October 2024).

Th.S Hồ Minh Thành, “Hôn nhân đồng tính ở Hoa Kỳ và những gợi mở cho Việt Nam”, ngày 24/02/2020, xem tại: <https://fdvn.vn/hon-nhan-dong-tinh-o-hoa-ky-va-nhung-goi-mo-cho-viet-nam/> (Accessed 10 October 2024).

ThS. Nguyễn Đức Tuyển, Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, *Nghiên cứu Gia đình và Giới*, quyển 31, số 4, tr. 97-106 (Accessed 19 October 2024).

Trần Đình Minh Việt và cộng sự, “Tìm hiểu và sáng lập một thang đo về sự tự kỳ thị ở cộng đồng LGBTIG+ trong bối cảnh Việt Nam”, 2022, tr.66, xem tại: <https://tvlgbt.s3.ap-southeast-1.amazonaws.com/7a004c3c-ba10-467c-a0c0-291e49c090a3.pdf> (Accessed 10 October 2024).

TS.Lê Thị Thu Dung, Viện Kiểm sát Nhân dân Tp. Hải Phòng, “Đạo Phật và vấn đề "hôn nhân đồng tính"", *TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC*, 2022, số tháng 3, tr. 47-48 (Accessed 19 October 2024).

United Nations (2014). International Conference on Population and Development, Programme of Action, Para 7.3, xem tại: https://www.urifpa.org/sites/default/files/pub-pdf/programme_of_action_Web%20ENGLISH.pd (Accessed 10 October 2024).